

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ B  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2022/HNGĐ-ST  
Ngày 30 tháng 11 năm 2022  
“Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Ích Rồng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đăng Hùng và Bà Bạc Thị Kiên

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐB - tỉnh Điện Biên.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 05 /2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị H, **sinh năm 1981**.

Nơi cư trú: Bản C N ( đội 1 cũ), xã N L, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên; có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn H1, **sinh năm 1977**.

Nơi cư trú: Bản C N ( đội 1 cũ), xã N L, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên; Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn **xin ly hôn** ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn H1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã N L, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên vào ngày 11/7/2002. Chị H và anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H, anh H1 chung sống hòa thuận, đầm ấm, hạnh phúc đến **đầu năm 2020** thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn; do tính tình chị H và anh H1 không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành; cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng. Chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H làm đơn đề nghị Tòa

án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên xem xét, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Lò Văn H1.

-Về con chung: chị Lò Thị H và anh Lò Văn H1 có 02 con chung là cháu Lò Thị H1 Duyên, sinh ngày 27/02/1999 và cháu Lò Thị Trang, sinh ngày 27/3/2002; Hiện 02 Cháu đã tHnh niên có khả năng lao động tự nuôi mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản:

- Tài sản chung, riêng, nợ phải trả; nợ lấy về; ruộng; nương của vợ chồng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn: anh Lò Văn H1 trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập đến phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh H1 đều vắng mặt và cũng không có ý kiến gì.

*Quan điểm của đại diện VKSND huyện ĐB tại phiên tòa:*

*Về thủ tục:* Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Chị Lò Thị H đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Lò Văn H1 chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Chị Lò Thị H và anh Lò Văn H1 đăng ký kết hôn tại UBND xã N L, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên vào ngày 11/7/2002. Trước khi kết hôn với nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Từ khi kết hôn chị H và anh H1 chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, do tính cách không hợp nhau; do đó chị H và anh H1 không còn chăm sóc quan tâm đến nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Nên áp dụng khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình; Áp dụng khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: **Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, tuyên xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Lò Văn H1.** Không giải quyết về con chung và phân tài sản chung.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lò Văn H1 cư trú tại Bản C N, xã N L, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên; Chị H khởi kiện xin ly hôn anh H1 nên Tòa án nhân dân huyện ĐB thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lò Văn H1 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên phiên tòa tiến hành xét xử vắng mặt anh H1 theo điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Lò Thị H và Anh Lò Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2002 tại UBND xã N L, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn Chị H và anh H1 chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình 2 bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chị H và anh H1 thường xuyên cãi nhau; không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cần giải quyết cho chị Lò Thị H được ly hôn anh Lò Văn H1.

[3] Về con chung: chị Lò Thị H và anh Lò Văn H1 có 02 con chung là cháu Lò Thị H1 Duyên, sinh ngày 27/02/1999 và cháu Lò Thị Trang, sinh ngày 27/3/2002 đã thành niên có khả năng lao động tự nuôi mình nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 5 BLTTDS, không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ lấy về, nợ phải trả, ruộng, nương:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Lò Thị H không yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, ruộng, nương; Anh H1 không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 5 BLTTDS, không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị H là người dân tộc thiểu số sinh sống ở bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị H.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện VKS huyện ĐB tại phiên tòa là có cơ sở pháp luật nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các khoản 1 Điều 5, khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Chị Lò Thị H ly hôn anh Lò Văn H1.

**2. Về con chung:** Tòa án không xem xét, giải quyết.

**3. Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ lấy về, nợ phải trả, ruộng, nương:** Tòa án không xem xét, giải quyết.

**4. Về án phí:** Miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị H.

**5. Về quyền kháng cáo:** Chị Lò Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lò Văn H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại UBND xã N L, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THADS huyện ĐB;
- UBND xã N L, h. Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Ích Rồng**